

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/DS-PT

Ngày: 15 - 11 - 2018

V/v tranh chấp phường, hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Khắc Chiến

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Đăng Phồn
2. Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về "tranh chấp phường, hội".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1961; nơi cư trú: Xóm M5, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1953; nơi cư trú: Xóm M4, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm M6, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.2. Chị Lê Thị S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm M6, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1950; nơi cư trú: Xóm M3, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.²

3.4. Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm M4, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Chị Nguyễn Thị Ngọc H; nơi cư trú: khối 8, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4.2. Bà Hoàng Thị N; nơi cư trú: khối 5, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4.3. Bà Hà Thị T, nơi cư trú: xóm M4, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4.4. Bà Dương Thị P, xóm M4, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày: Tháng 10 năm 2012, bà H tham gia một số dây phường do bà Nguyễn Thị T1 làm chủ phường; việc tham gia phường trên tinh thần tự nguyện, với mục đích tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình. Phường do bà T1 tổ chức là phường có lãi, người tham gia phường mua phường bằng hình thức bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó bắt được phường; chủ phường được trích 1% hoa hồng để ghi chép sổ sách, thu tiền phường từ các thành viên và giao tiền phường cho thành viên mua được phường. Đến ngày 12 tháng 7 năm 2013, bà T1 tuyên bố dừng phường. Bà H tham gia 19 dây phường, cụ thể:

- 03 dây phùng, nộp tiền phùng mỗi tháng 03 lần, vào ngày 07, 17, 27 hàng tháng. Dây 1 loại 1.000.000 đồng, dây 2 và dây 3 loại 500.000 đồng, mỗi dây có 30 suất tham gia; nộp tiền lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2012, lần cuối ngày 07 tháng 7 năm 2013; dây 1 và dây 2 mỗi dây bà H tham gia 02 suất, dây 3 tham gia 01 suất; đã nộp 23 lần. Bà H đã nộp dây 1 số tiền 46.000.000 đồng, dây 2 số tiền 23.000.000 đồng. Dây 3 bà H đã mua trung phùng.

- 03 dây phùng, nộp tiền phùng mỗi tháng 03 lần, vào ngày 02, 12, 22 hàng tháng. Dây 1 loại 1.000.000 đồng, có 34 suất tham gia; dây 2 loại 1.000.000 đồng, có 30 suất tham gia; dây 3 loại 300.000 đồng có 40 suất tham gia. Mỗi dây bà Hồng tham gia 01 suất. Dây 1 và dây 3 bà H đã nộp được 26 lần, nộp tiền lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2012, lần cuối ngày 12 tháng 7 năm 2013; dây 2 đã nộp được 19 lần, nộp tiền lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2013, lần cuối ngày 12 tháng 7 năm 2013. Bà H đã nộp dây 1 số tiền 26.000.000 đồng, dây 3 đã nộp số tiền 7.800.000 đồng; dây 2 bà H đã mua trúng phùng.

- 02 dây phùng, nộp tiền phùng mỗi tháng 03 lần, vào ngày 04, 14, 24 hàng tháng. Dây 1 loại 300.000 đồng, có 44 suất tham gia, dây 2 loại 500.000 đồng, có 36 suất tham gia; nộp tiền lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2012, lần cuối ngày 04 tháng 7 năm 2013; mỗi dây bà H tham gia 01 suất, đã nộp 27 lần. Bà H đã nộp dây 1 số tiền 8.100.000 đồng, dây 2 số tiền 13.500.000 đồng.

- 01 dây phùng, nộp tiền phùng mỗi tháng 02 lần, vào ngày 07, 21 hàng tháng, loại 1.000.000 đồng, mỗi dây có 26 suất tham gia; bà H tham gia 01 suất và đã nộp 02 lần; nộp tiền lần đầu ngày 07 tháng 6 năm 2013, lần cuối ngày 21 tháng 6 năm 2013. Bà H đã nộp số tiền 2.000.000 đồng.

- 02 dây phùng, nộp tiền phùng mỗi tháng 02 lần, vào ngày 08, 23 hàng tháng. Dây 1 loại 3.000.000 đồng, có 32 suất tham gia; dây 2 loại 1.000.000 đồng, có 26 suất tham gia. Mỗi dây phùng bà H tham gia 01 suất và đã nộp 15 lần; nộp tiền lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2012, lần cuối ngày 08 tháng 7 năm 2013. Bà H đã nộp dây 1 số tiền 45.000.000 đồng; dây 2 số tiền 15.000.000 đồng.

- 02 dây phùng, nộp tiền phùng mỗi tháng 02 lần, vào ngày 04, 19 hàng tháng. Dây 1 loại 2.000.000 đồng, dây 2 loại 1.000.000 đồng, mỗi dây có 34 suất

tham gia. Mỗi dây bà H tham gia 01 suất, đã nộp 09 lần; nộp tiền lần đầu ngày 04 tháng 3 năm 2013, lần cuối ngày 04 tháng 7 năm 2013. Bà H đã nộp dây 1 số tiền 18.000.000 đồng; dây 2 số tiền 9.000.000 đồng.

- 02 dây phường, nộp tiền phường mỗi tháng 02 lần, vào ngày 05, 20 hàng tháng, 2 dây loại 2.000.000 đồng, dây 1 có 26 suất tham gia, dây 2 có 25 suất tham gia. Mỗi dây bà H tham gia 01 suất. Dây 1 bà H đã nộp 13 lần, số tiền 26.000.000 đồng; nộp tiền lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2013, lần cuối ngày 05 tháng 7 năm 2013. Dây 2 bà H đã nộp 10 lần số tiền 20.000.000 đồng; nộp tiền lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2013, lần cuối ngày 05 tháng 7 năm 2013.

- 02 dây phường, nộp tiền phường mỗi tháng 02 lần, vào ngày 10, 26 hàng tháng. Dây 1 loại 5.000.000 đồng, dây 2 loại 1.000.000 đồng, mỗi dây có 30 suất tham gia. Mỗi dây bà H tham gia 01 suất và đã nộp được 08 lần; nộp tiền lần đầu ngày 10 tháng 3 năm 2013, lần cuối ngày 26 tháng 6 năm 2013. Bà H đã nộp dây 1 số tiền 40.000.000 đồng, dây 2 đã nộp số tiền 8.000.000 đồng.

- 02 dây phường, nộp tiền phường mỗi tháng 03 lần, vào ngày 05, 15, 25 hàng tháng. Dây 1 loại 1.000.000 đồng, dây 2 loại 500.000 đồng, mỗi dây có 33 suất tham gia. Bà H tham gia mỗi dây phường 01 suất, đã nộp 19 lần; dây 1 nộp số tiền 19.000.000 đồng; dây 2 nộp số tiền 9.500.000 đồng

Bà Bùi Thị H đã nhận 02 lần phường. Tuy nhiên, sau khi trừ số tiền lãi bà H được nhận từ việc các con phường mua trúng phường, số tiền bà H đã nhận tiền phường; số tiền phường thực tế bà H đã nộp và chưa được nhận lại tại bà Nguyễn Thị T1 là 189.234.000 đồng. Nay, bà H yêu cầu bà T1 phải trả lại cho bà H số tiền 184.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi suất.

Bà Bùi Thị H không đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng T2, bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu trách nhiệm trả tiền phường cho bà H. Vì, theo bà H, khi tham gia phường do bà T1 làm chủ phường, bà H chỉ nộp tiền cho bà T1 và nhận tiền phường tại bà T1, bà H không biết những người đó có tham gia phường tại bà T1 hay không. Sau khi dừng phường, bà H đã có giấy chốt nợ tiền phường với bà T1 chứ không chốt nợ với người nào khác.

Lời khai trong quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà T1 thống nhất như ý kiến của bà Bùi Thị H về thời gian, hình thức chơi phường, thời gian dừng phường. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 trình bày bà H tham gia 18 dây phường chứ không phải 19 dây; giữa bà T1 và bà H chưa có giấy chốt nợ nào. Số tiền thực tế bà H đã nộp tiền phường của 18 dây phường là 228.993.000 đồng, trong đó bà H đã nhận 03 lần phường, cụ thể 02 dây phường ngày 07, 17, 27 hàng tháng, loại 1.000.000 đồng và 500.000 đồng, tổng số tiền là 37.200.000 đồng; dây phường ngày 02, 12, 22 hàng tháng, loại 1.000.000 đồng, bà H đã nhận số tiền 24.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền phường bà H đã nhận 61.800.000 đồng (không bao gồm số tiền bà H nộp của 03 lần nhận phường). Có sự chênh lệch số liệu giữa lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm là do trong quá trình tính toán, bà T1 cộng sai. Lý do bà T1 không trả tiền phường cho bà H là vì những thành viên tham gia phường không nộp tiền phường đầy đủ cho bà T1. Còn những lần các thành viên nộp tiền phường thì bà T1 đã giao đầy đủ tiền phường cho thành viên mua được phường. Nay, bà H yêu cầu bà T1 phải trả lại cho bà H số tiền phường 184.000.000 đồng thì bà T1 không đồng ý. Bà T1 đề nghị Tòa án đưa các thành viên đã nhận phường nhưng không tiếp tục đóng phường vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm bà Nguyễn Thị Tuyết N, chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng T2, chị Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Kim D để có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

Tại các lời khai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Tuyết N, chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng T2, chị Trần Thị Hồng L đều thừa nhận họ đã tham gia chơi phường do bà Nguyễn Thị T1 làm chủ phường; thời gian, hình thức chơi phường, quyền và nghĩa vụ của chủ phường đúng như bà Nguyễn Thị T1, bà Bùi Thị H trình bày. Quá trình chơi phường, bà N, bà T2, chị S, chị L trực tiếp nộp tiền phường cho bà T1, nhận tiền phường cũng từ bà T1, họ chỉ biết một số thành viên tham gia trong dây phường, còn một số thành viên khác họ không biết. Ngoài các thỏa thuận như bà T1, bà H đã trình bày, các thành viên tham gia phường không có thỏa thuận gì thêm. Nay, bà T1

yêu cầu bà N, bà T2, chị S, chị L phải chịu trách nhiệm trả tiền phường cho các thành viên phường khác (trong đó có bà Bùi Thị H) thì bà N, bà T2, chị S, chị L không đồng ý, họ đề nghị khi nào có tiền họ sẽ trả trực tiếp cho bà T1. Do bà D không có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể lấy lời khai của bà D được.

Tại các lời khai, những người làm chứng chị Nguyễn Thị Ngọc H, bà Hoàng Thị N, bà Hà Thị T, bà Dương Thị P đều thừa nhận thời gian, hình thức chơi, quyền và nghĩa vụ của chủ phường đúng như bà Nguyễn Thị T1, bà Bùi Thị H trình bày. Ngoài các thỏa thuận được ghi trong các sổ phường, các thành viên tham gia phường không có thỏa thuận gì thêm.

Tại Bản án sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, 389, 401, 426 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 14, 26 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; Điều 357, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H, buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bùi Thị H khoản tiền nợ phường gốc 184.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 7 năm 2018 bà Nguyễn Thị T1 làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Tuyết N,

chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng T2, chị Trần Thị Hồng L, bà Đặng Thị Kim D vào tham gia tố tụng và buộc họ phải trả nợ tiền phưởng cho bà Bùi Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1; sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng tất cả đều vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị T1 xác định từ tháng 10 năm 2012 đến ngày 07 tháng 7 năm 2013, bà Bùi Thị H (HT) tham gia 18 dây phưởng do bà Nguyễn Thị T1 làm chủ phưởng, chứ không phải 19 dây phưởng như tại sơ thẩm. Số tiền phưởng thực tế bà H đã nộp là 228.993.000 đồng, số tiền bà H đã nhận là 61.800.000 đồng, số tiền bà H đã nộp nhưng chưa được nhận lại là 167.193.000 đồng. Bà H yêu cầu bà T1 phải trả lại cho bà H số tiền phưởng là 167.193.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi suất, bà T1 thống nhất

số tiền phường bà H yêu cầu nhưng bà T1 không đồng ý trả lại tiền phường cho bà H.

Hội đồng xét xử thấy:

Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các thông tin phản ánh tại các sổ phường thì có cơ sở khẳng định phường do bà Nguyễn Thị T1 làm chủ phường là phường có lãi, người tham gia phường mua phường bằng hình thức bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó bắt được phường; chủ phường được trích 1% hoa hồng để ghi chép sổ sách, thu tiền phường từ các thành viên và giao tiền phường cho thành viên mua được phường; các thỏa thuận đó đã được cụ thể hóa trong các biên bản họp tổ phường tại các sổ phường. Sau khi nhận tiền phường từ các thành viên, bà T1 đã giao tiền đầy đủ cho thành viên mua được phường và khi nhận tiền họ đều phải ký nhận tiền vào sổ phường của bà T1. Việc bà H chưa được nhận lại số tiền phường mà bà H đã nộp là do một số thành viên tham gia trong các dây phường đã nhận tiền phường nhưng không nộp tiếp tiền phường đầy đủ khi đến kỳ mở phường nên các dây phường đó phải dừng lại trước thời hạn.

Như vậy, tất cả 18 dây phường bà Bùi Thị H tham gia không có thỏa thuận về nghĩa vụ của chủ phường là nếu đến kỳ mở phường mà có thành viên không góp phần phường, chủ phường phải chịu trách nhiệm nộp thay phần phường đó. Giữa bà H và bà Nguyễn Thị T1 cũng không có giấy chốt nợ về việc bà T1 nợ tiền phường bà H mà chỉ có giấy xác nhận của bà T1 về việc số tiền thực tế bà H đã nộp tại các dây phường. Đối với nội dung tại các Phiếu kê khai thiệt hại khi tham gia chơi hội từ ngày 09 tháng 6 năm 2014 đến ngày 18 tháng 6 năm 2014 giữa bà T1 với bà Nguyễn Thị Hồng T2, chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Tuyết N, chị Trần Thị Hồng L, bà Đặng Thị Kim D tại Công an huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An chỉ phản ánh bà T2, chị S, bà N, chị L, bà D đang nợ tiền phường tại bà T1 và bà T1 đề nghị họ phải có trách nhiệm nộp cho bà T1 để bà T1 trả lại cho các thành viên tham gia phường.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 15 và Điều 27 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về nghĩa vụ của chủ họ:

"nộp thay phần họ của thành viên trong trường hợp có thỏa thuận nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ". Do vậy, bà Nguyễn Thị T1 không có nghĩa vụ phải nộp thay phần phường của các thành viên khác không nộp tiền phường.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1, sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị Tuyết N, Chị Lê Thị S, chị Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng T2, bà Đặng Thị Kim D vào tham gia trong vụ án để buộc những người này có trách nhiệm trả nợ cho bà Bùi Thị H thấy rằng: Yêu cầu này của bà T1 là có căn cứ. Vì, bà T2, bà D, bà N, chị L, chị S là các thành viên tham gia các dây phường cùng với bà H. Họ là những người đã mua trúng phường nhiều lần, bà H đã nộp tiền phường tại những lần họ nhận phường nhưng họ không nộp tiền đầy đủ theo thỏa thuận. Tuy nhiên, ngoài bà T2, bà D, bà N, chị L, chị S còn có một số thành viên khác cũng mua trúng phường nhưng sau đó không nộp tiền phường đầy đủ theo thỏa thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về trách nhiệm của thành viên do không góp họ: “Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ ...”. Vì vậy, các thành viên tham gia các dây phường cùng bà H đã nhận tiền phường của bà H nộp nhưng chưa trả lại tiền phường cho bà H thì họ phải có trách nhiệm trả lại tiền phường cho bà H. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các thành viên tham gia phường phải trả lại tiền phường cho bà H; mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nội dung này nên cấp phúc thẩm không thể xem xét. Do đó, bà H có quyền khởi kiện các thành viên tham gia phường thành vụ kiện dân sự khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm nên cần sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà H không được chấp nhận là 8.359.600 đồng.

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 được chấp nhận nên bà T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 15 và Điều 20 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; khoản 3 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1; Sửa Bản án sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H về việc buộc bà Nguyễn Thị T1 trả lại cho bà H số tiền nợ phường gốc 167.193.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị H phải chịu 8.359.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003341 ngày 03 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, Nghệ An. Bà H còn phải nộp tiếp 4.459.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Nam Đàn;
- TAND huyện Nam Đàn;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Khắc Chiến